

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 532/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Hoài Hải Y, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 73/9 H.T.P, Tổ 42, Khu phố 3, phường T.T.Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 48/3 đường T.Đ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 118/20 B.V.B, Tổ 22, Khu phố 2, phường T.T.Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2006 (Giấy chứng nhận kết hôn số 96.C13, quyển số 01.2006 đăng ký tại UBND Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/11/2006).

Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào Trích lục khai sinh số 231/TLKS-BS ngày 28/4/2020, bản sao giấy khai sinh số 543, quyển số 02/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, bản sao giấy khai sinh số 100-QH-C13, quyển số

01-2009 tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H có 03 người con chung, họ tên là Đỗ Nguyễn Phương N, sinh ngày 27/12/2005, Đỗ Nguyễn Song N, sinh ngày 08/04/2009 và Đỗ Bảo N, sinh ngày 29/10/2012.

Bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H thỏa thuận giao con chung là Đỗ Nguyễn Phương N, Đỗ Nguyễn Song N và Đỗ Bảo N cho ông Đỗ Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Hoài Hải Y cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/03 người con (500.000đồng/tháng/01 người con), cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 10/12/2020.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H không có tài sản chung, không có nợ chung.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 96.C13, quyển số 01.2006 đăng ký tại UBND Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/11/2006).

1.2. Về con chung:

Bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H có 03 người con chung, họ tên là Đỗ Nguyễn Phương N, sinh ngày 27/12/2005, Đỗ Nguyễn Song N, sinh ngày 08/04/2009 và Đỗ Bảo N, sinh ngày 29/10/2012.

Các đương sự thỏa thuận giao trẻ Đỗ Nguyễn Phương N, Đỗ Nguyễn Song N và Đỗ Bảo N cho ông Đỗ Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Hoài Hải Y cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/03 người con (1.500.000đồng/tháng/01 người con), cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 10/12/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp bà Nguyễn Hoài Hải Y chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì bà Nguyễn Hoài Hải Y còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Bà Nguyễn Hoài Hải Y có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H không có tài sản chung

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032967 ngày 01/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Vậy, bà Nguyễn Hoài Hải Y và ông Đỗ Thanh H đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND Phường 13, Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Trang